BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(*Ban hành theo Quyết định số 231/QĐ-ĐHVL ngày 22 tháng 6 năm 2016*

của Hiệu trưởng trường Đại học Văn Lang)

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo cử nhân Văn học

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Văn học

Mã ngành : 52220330

Loại hình đào tạo : Chính qui tập trung

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có đủ khả năng tự phát triển bản thân để làm việc trong nhiều lĩnh vực có liên quan với nhau (dạy ngữ văn theo hướng phát triển năng lực và tích hợp, làm việc trong lĩnh vực truyền thông, các hoạt động văn hóa, du lịch, quan hệ công chúng, công tác xã hội…), không chỉ ở Việt Nam mà còn có thể cạnh tranh trên thị trường lao động khu vực và quốc tế trong cùng ngành.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo ngành Văn học theo định hướng ứng dụng trang bị cho người học hệ thống kiến thức khoa học cơ bản và tiến bộ về bản chất, đặc trưng và lịch sử văn học Việt Nam; lịch sử văn học và đặc trưng văn hóa các nước phát triển trên thế giới như Pháp, Anh, Mĩ, Nhật, Trung Quốc, văn học và văn hóa các nước trong khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á; ngôn ngữ và phương pháp dạy học Văn; các vấn đề cơ bản về nghệ thuật, về truyền thông hiện đại, quản lý con người và sự kiện. Cùng với đó, người học cũng được trang bị các kiến thức chung thuộc hệ thống giáo dục quốc dân về triết học Mác – Lenin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.2.2. Mục tiêu năng lực

Người học tốt nghiệp ngành Văn học theo hướng ứng dụng được bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học và giảng dạy; thuyết trình và hùng biện; năng lực làm việc nhóm, năng lực khai thác nguồn tài nguyên trí tuệ trên Internet, năng lực tự phát triển bản thân (kĩ năng đọc sách, tự học, thu thập dữ liệu và xử lí thông tin…), năng lực tư duy chiến lược và quản lý con người; kỹ năng giao lưu quốc tế (phát biểu ý kiến, tranh luận bằng tiếng Việt và tiếng Anh….

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học tốt nghiệp cử nhân Văn học, trường Đại học Văn Lang, có năng lực tự nghiên cứu độc lập, phát hiện và giải quyết các vấn đề văn học, nghệ thuật và văn hóa; nắm bắt và

xử lý các vấn đề truyền thông, xã hội; đề xuất những sáng kiến có tính khả thi; thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có năng lực dẫn dắt chuyên môn, phát huy trí tuệ tập thể trong quản lí và hoạt động chuyên môn. Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có trách nhiệm công dân, tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc và đạo đức nghề nghiệp.

1.2.4. Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp cử nhân Văn học, trường Đại học Văn Lang có thể tham gia đảm nhận đa dạng công tác thuộc nhiều lĩnh vực như nghiên cứu và giảng dạy văn học tại trường Đại học, Trung học các cấp; quản lý và tổ chức các sự kiện văn hóa nghệ thuật tại các sở, ban ngành ở các địa phương; hướng dẫn du lịch; viết báo và viết kịch bản chương trình văn hóa – xã hội cho đài truyền hình, đài phát thanh, biên tập viên, xây dựng chiến lược tiếp thị và tổ chức chương trình quảng bá ấn phẩm văn học nghệ thuật.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ):

Khối lượng kiến thức tối thiểu cho toàn khóa học là **130** tín chỉ, bao gồm học phần bắt buộc, học phần tự chọn bắt buộc v àhọc phần tự chọn tự do (chưa kể các nội dung về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước, xét kết quả thi THPT Quốc gia(hoặc tương đương) và xét học bạ THPT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

- Khóa đào tạo: 4 năm bao gồm 8 học kỳ chính. Học kỳ cuối cùng dành cho thực tập tốt nghiệp, thi tốt nghiệp hoặc làm khóa luận tốt nghiệp.
- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: theo Quy chế 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Yêu cầu về ngoại ngữ: Sinh viên phải đạt Toeic 420 là điều kiện xét cấp bằng Tốt nghiệp chính thức, sinh viên chưa đạt chuẩn đầu ra chỉ nhận giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc sao y bản chính.

6. Thang điểm: Theo thang điểm đánh giá tín chỉ

7. Nội dung chương trình:

	Các học phần	**Tín chỉ (bắt buộc) –** (*sau điều chỉnh*)	**Ghi chú**
7.1	**Khối kiến thức đại cương** (Không kể các học phần GDTC và GDQP)	**40**	
7.2	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**92**	

	- Kiến thức cơ sở	14	
	- Kiến thức ngành chính	44	Bắt buộc: 32 TC
			Tự chọn: 14/22 TC
	- Kiến thức bổ trợ	18	Chọn 18/32 TC
	- Thực tập tốt nghiệp và khóa luận/thi TN	11	Thực tập: 5 TC
			Khóa luận/Thi TN: 6 TC
Tổng cộng		**129**	

7.1.

Khối kiến thức đại cương (31 TC)

7.1.1. Lý luận chính trị (10 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Diễn giải
1	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	Định hướng nội dung xoay quanh vấn đề con người, xã hội hiện đại; trang bị phương pháp tư duy, tầm nhìn giúp người học giải quyết các vấn đề thực tiễn
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	
	Cộng	**10**	

7.1.2. Khoa học xã hội (6 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Diễn giải
4	Pháp luật đại cương	2	
5	Luật báo chí truyền thông	2	
6	Tâm lý học đại cương	2	
	Cộng	**6**	

7.1.3 Nhân văn – Nghệ thuật (4 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Diễn giải
7	Mỹ học đại cương	2	
8	Toàn cầu hóa, Văn học và văn hóa	2	

	Cộng	**4**	

7.1.4 Ngoại ngữ (16 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Diễn giải
9	Anh văn 1	3	Theo chuẩn Toeic 450
10	Anh văn 2	3	
11	Anh văn 3	3	
12	Anh văn 4	3	
13	Anh văn 5	4	
	Cộng	**16**	

7.1.5 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường (5 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Diễn giải
14	Môi trường và con người	2	Trang bị phương pháp tư duy cho người học xử lý các vấn đề truyền thông, quan hệ công chúng, marketing
15	Tin học căn bản	3	
	Cộng	**5**	

7.1.6 Giáo dục thể chất (5 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
16	Giáo dục thể chất	5**	
	Cộng	**5**	

7.1.7 Giáo dục quốc phòng – An ninh (8 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
17	Giáo dục quốc phòng	8**	
	Cộng	**8**	

** *Không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và toàn khóa học*

7.2 KhốI kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.3 7.2.1. Kiến thức cơ sở (14 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Diễn giải
18	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
19	Từ ngữ, ngữ nghĩa, ngữ dụng học tiếng Việt	2	
20	Phong cách học tiếng Việt	2	
21	Từ Hán Việt và cách sử dụng từ Hán Việt trong giao tiếp	2	
22	Văn hóa và văn học	2	
23	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	2	
24	Ký hiệu học	2	
	Cộng	**14**	

7.2.2. Kiến thức ngành chính

Bắt buộc (32 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Diễn giải
25	Lý luận văn học 1 (Nguyên lý lý luận văn học)	3	
26	Lý luận văn học 2 (Tác phẩm, thể loại, tiến trình)	3	
27	Folklore học và văn học dân gian Việt Nam	3	

28	Văn học cổ điển Việt Nam I (từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII)	3	
29	Văn học cổ điển Việt Nam II (từ đầu thế kỉ XVIII đến cuối thế kỷ XIX)	3	
30	Văn học hiện đại Việt Nam I (từ 1930 đến 1945)	2	
31	Văn học hiện đại Việt Nam II (từ sau1945 đến 1975)	2	
32	Văn học hiện đại Việt Nam III (từ sau 1975 đến nay)	3	
33	Văn học Bắc Mỹ	2	Xác định nền văn học lớn của khu vực; phù hợp xu hướng hợp tác kinh tế, văn hóa hiện nay
34	Văn học Phương Tây	3	Tập trung vào VH Anh, Pháp.
36	Văn học Nhật Bản	2	Xác định nền văn học lớn của khu vực; phù hợp xu hướng hợp tác kinh tế, văn hóa hiện nay
37	Đại cương văn học Trung Quốc	3	
	Cộng	**32**	

Tự chọn (<u>14</u> TC)

Sinh viên chọn 14 tín chỉ từ các học phần dưới đây:

STT	Học phần	Số tín chỉ	Diễn giải
38	Tôn giáo và văn học nghệ thuật	2	
39	Lý thuyết văn học hậu hiện đại và văn học hậu hiện đại Việt Nam	2	
40	Logic học và tư duy phản biện	2	
41	Nhập môn xã hội học	2	
42	Văn học Đông Nam Á	2	
43	Thống kê cho khoa học xã hội	2	
44	Văn học Nga	2	
45	Nghệ thuật sân khấu	2	
46	Phân tích diễn ngôn tiếng Việt	2	
47	Nghệ thuật học	2	
	Cộng	**20**	

7.2.3. Kiến thức bổ trợ tự do (18 TC)

Sinh viên chọn 18 tín chỉ từ các học phần dưới đây:

STT	Học phần	Số tín chỉ	Diễn giải
48	Nhập môn truyền thông	2	
49	Dẫn chương trình (MC)	2	
50	Nhập môn Quan hệ công chúng	2	
51	Viết và biên tập tin	2	
52	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	
53	Quản trị Du lịch và Dịch vụ	2	
54	Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	2	
55	Tổ chức sự kiện	2	
56	Quản trị học đại cương	2	
57	Viết bài PR và thông cáo báo chí	2	
58	Kỹ năng giao tiếp	2	
59	PR nội bộ và hoạt động cộng đồng	2	
60	Kỹ năng thuyết trình và đàm phán thương mại	2	
61	Ứng dụng công nghệ trong truyền thông	2	
62	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2	
63	Tổ chức xuất bản	2	
	Cộng	**32**	

7.2.4. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận (11 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ	Diễn giải
64	Thực tập tốt nghiệp	5	
65	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc thi TN)**	6	
	Cộng	**11**	

**Sinh viên chọn 1 trong các hình thức tốt nghiệp:

- Lựa chọn 1: Thực hiện 1 khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)
- Lựa chọn 2: Thực hiện 1 tiểu luận tốt nghiệp (3 tín chỉ) và tích lũy thêm 3 tín chỉ từ các môn tự chọn chuyên ngành.
- Lựa chọn 3: Tích lũy thêm ba học phần chuyên ngành tự chọn, với tổng thời lượng 6 tín chỉ.

8. KẾ HOẠCH HỌC TẬP

Học kỳ	Tên học phần	Số tín chỉ	Tự chọn
1	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	3	
	Pháp luật đại cương	2	
	Tâm lý học đại cương	2	
	Lý luận văn học 1	3	
	Văn học và văn hóa	2	
	Môi trường và con người	2	
	Mỹ học đại cương	2	
	Anh văn 1	3	
2	Tin học căn bản	3	
	Anh văn 2	3	
	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	2	
	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
	Lý luận văn học 2	3	
	Từ vựng – Ngữ nghĩa – Ngữ dụng học tiếng Việt	2	
	Folklore học và văn học dân gian Việt Nam	3	
3	Phong cách học tiếng Việt	2	
	Từ Hán Việt và cách sử dụng từ Hán Việt trong giao tiếp	2	
	Anh văn 3	3	
	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	2	
	Văn học cổ điển Việt Nam I (từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII)	3	
	Ký hiệu học	2	
	Nghệ thuật học	2	x
	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	
4	Văn học cổ điển Việt Nam II (từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX)	3	
	Văn học hiện đại Việt Nam 1 (từ 1930 đến 1945)	2	
	Anh văn 4	3	
	Văn hóa và văn học Bắc Mỹ	2	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
	Văn học phương Tây	3	
	Nhập môn Xã hội học	2	x
	Thống kê cho khoa học xã hội	2	x
	Đại cương văn học Trung Quốc	3	
5	Văn học hiện đại Việt Nam 2 (từ 1945 đến 1975)	2	
	Văn học Đông Nam Á	2	x

	Anh văn 5	4	
	Nghệ thuật sân khấu	2	x
	Phân tích diễn ngôn tiếng Việt	2	x
	Logic học và Tư duy phản biện	2	x
	Văn học Nga	2	x
	Tôn giáo và văn học nghệ thuật	2	x
6	Văn học hiện đại Việt Nam 3 (từ sau 1975 đến nay)	3	
	Văn học Nhật Bản	2	
	Nhập môn truyền thông	2	x
	Lý thuyết văn học hậu hiện đại và văn học hậu hiện đại Việt Nam	2	x
	Dẫn chương trình (MC)	2	x
	Nhập môn Quan hệ công chúng	2	x
	Quản trị du lịch và dịch vụ	2	x
	Quản trị học đại cương	1	x
	Kĩ năng giao tiếp	2	x
7	Viết tin và biên tập tin	2	x
	Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	2	x
	Ứng dụng công nghệ thông tin trong truyền thông	2	x
	PR nội bộ và hoạt động cộng đồng	2	x
	Viết bài PR và thông cáo báo chí	2	x
	Tổ chức sự kiện	2	x
	Tổ chức xuất bản	2	x
	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2	x
8	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	x
	Kỹ năng thuyết trình và đàm phán thương mại	2	x
	Thực tập	5	
	Thi/Khóa luận TN	6	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần:

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lenin (5 tín chỉ)

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.2. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (3 tín chỉ)

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.4. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Giúp sinh viên hiểu rõ hệ thống tổ chức xã hội và hệ thống chính trị của nhà nước Việt Nam trong lịch sử và hiện tại. Trên cơ sở đó, sinh viên tìm hiểu và nghiên cứu về những nội dung cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam, hiểu được các chế tài của pháp luật đối với các tổ chức và lĩnh vực hoạt động liên quan đến nghệ thuật, truyền thông, xuất bản.

9.5. Pháp luật báo chí truyền thông (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản về pháp luật nhà nước đối với hoạt động báo chí và xuất bản (những nguyên tắc cơ bản, bộ máy nhà nước và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí và xuất bản), pháp luật về báo chí (cơ quan báo chí: các loại hình - nhiệm vụ và quyền hạn; nhà báo, cộng tác viên – nhiệm vụ và quyền hạn); pháp luật về xuất bản (hệ thống pháp luật điều chỉnh về xuất bản, quyền và nghĩa vụ công dân đối với hoạt động xuất bản, quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản).

9.6. Mỹ học đại cương (2 tín chỉ)

Môn học nhằm tạo cho người học hiểu biết, ý thức, khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống - bản thân - nghệ thuật. Qua nghiên cứu, sinh viên hiểu được các khái niệm như đối tượng, chủ thể, khách thể thẩm mỹ, đặc trưng của nghệ thuật, các loại hình nghệ thuật, các mối quan hệ thẩm mỹ và phương thức giáo dục thẩm mỹ.

9.7. Văn hóa và văn học (2 tín chỉ)

Cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng thể về khái niệm và tính đặc thù của văn hóa; Diễn trình lịch sử của văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của cộng đồng thế giới, đặc trưng của các không gian văn hóa; mối quan hệ văn học và văn hóa thông qua phân tích qua tác phẩm văn học cụ thể và đặc trưng văn học các khu vực. Môn học đồng thời trang bị người học phương pháp tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hóa học.

9.8. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Mô tả các hiện tượng tâm lý của con người, quy luật và cơ chế hình thành, các biểu hiện và sự phát triển trong đời sống. Phương thức nghiên cứu, phân tích, xử lý các hiện tượng tâm lý cá nhân và đám đông nhằm hỗ trợ cho việc xây dựng, củng cố hình ảnh của doanh nghiệp hay tổ chức trước cộng đồng.

9.9. Văn học cổ điển Việt Nam I (3 tín chỉ)

Trang bị cho người học tri thức văn hóa, lịch sử, tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam giai đoạn từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII. Qua đấy, giáo dục người học tinh thần thẩm mỹ, văn hóa, nghệ thuật cổ điển Việt Nam; giáo dục lòng yêu nước và tự hào dân tộc.

9.10. Văn học cổ điển Việt Nam II (3 tín chỉ)

Trang bị cho người học tri thức văn hóa, lịch sử văn học, tác giả, tác phẩm Việt Nam giai đoạn từ thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX. Qua đấy, giáo dục người học tinh thần thẩm mỹ, văn hóa, nghệ thuật cổ điển Việt Nam; giáo dục lòng yêu nước và tự hào dân tộc.

9.11. Văn học hiện đại Việt Nam I (2 tín chỉ)

Trang bị cho người học tri thức lịch sử văn học, tác giả, tác phẩm tiêu biểu giai đoạn từ 1930 đến 1945; giúp người học hiểu được chuyển biến văn hóa, tư duy nghệ thuật và quan niệm nhân sinh văn học đầu thế kỷ. Môn học giúp người học rèn luyện tư duy thẩm mỹ mới, nhận thức vai trò của văn học đối với quá trình hiện đại hóa xã hội.

9.12. Văn học hiện đại Việt Nam II (2 tín chỉ)

Trang bị cho người học tri thức lịch sử văn học, tác giả, tác phẩm tiêu biểu giai đoạn từ sau năm 1945 đến 1975; giúp người học rèn luyện tư duy thẩm mỹ, nhận thức vai trò của văn học đối với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước; thành tựu và hạn chế của văn học trong giai đoạn đặc biệt này.

9.13. Văn học hiện đại Việt Nam III (3 tín chỉ)

Trang bị cho người học tri thức lịch sử văn học, tác giả, tác phẩm tiêu biểu giai đoạn từ sau 1970 đến nay; giúp người học rèn luyện tư duy thẩm mỹ và ý thức phản biện xã hội qua văn học; nhận thức vai trò của văn học đối với con người và xã hội đương đại.

9.14. Anh văn cơ bản 1,2,3,4 (12 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng cần thiết nhằm thực hành giao tiếp thông thường cũng như bước đầu giao tiếp trong công việc chuyên ngành và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

9.15. Anh văn chuyên ngành 5 (4 tín chỉ)

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng cần thiết để có thể giao tiếp trong công việc liên quan đến chuyên ngành của mình. Yêu cầu sinh viên phải đạt Toeic 450 trở lên.

9.16. Tin học đại cương (3 tín chỉ)

Nắm vững các vấn đề tổng quan về máy tính, các lý thuyết cơ bản và ứng dụng thành thạo các chương trình thông thường như Microsoft Word, Excel, Internet, Powerpoint

9.17. Môi trường và con người (2 tín chỉ)

Môn học được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên về môi trường, giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức cơ bản về môi trường, mối quan hệ tương hỗ giữa con người và môi trường, cơ sở khoa học môi trường, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.

9.18. Dẫn luận ngôn ngữ học

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức phổ quát về ngôn ngữ, gồm: Bản chất và chức năng của ngôn ngữ; Loại hình các ngôn ngữ trên thế giới; Nguồn gốc và sự phát triển của các ngôn ngữ trên thế giới; Nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học cùng với những đặc trưng của các phân môn Ngữ âm học, Từ vựng học, Ngữ pháp học.

9.19. Từ Hán Việt và cách sử dụng từ Hán Việt trong giao tiếp (2 tín chỉ)

Trang bị người học tri thức về nguồn gốc, lịch sử từ Hán Việt; cách nhận diện từ Hán Việt, cách sử dụng từ Hán Việt trong văn bản hành chính và giao tiếp.

9.20. Toàn cầu hóa và văn hóa văn học (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên tìm hiểu các vấn đề then chốt của tiến trình toàn cầu hóa, lịch sử, bản chất, đặc điểm, các biểu hiện của tiến trình này, đồng thời, tìm hiểu những khả thế chiến lược hợp lý cho Việt Nam để hội nhập và tồn tại trong tiến trình đó. Học phần cung cấp một nền tảng cơ bản về thế giới đương đại để soi chiếu vào nghề nghiệp: văn học, văn hóa, truyền thông, rèn luyện tinh thần "toàn cầu", nhìn các vấn đề cụ thể của nghề nghiệp tại địa phương trong tầm nhìn toàn cầu, có kỹ năng theo dõi tiến trình toàn cầu hóa và biết cách tự thay đổi, tự tiến hóa để thích ứng với tiến trình đó.

Học phần giúp sinh viên tìm hiểu các vấn đề then chốt của tiến trình toàn cầu hóa, lịch sử, bản chất, đặc điểm, các biểu hiện của tiến trình này, đồng thời, tìm hiểu những khả thế chiến lược hợp lý cho Việt Nam để hội nhập và tồn tại trong tiến trình đó. Học phần cung cấp một nền tảng cơ bản về thế giới đương đại để soi chiếu vào nghề nghiệp: văn học, văn hóa, truyền thông, rèn luyện tinh thần "toàn cầu", nhìn các vấn đề cụ thể của nghề nghiệp tại địa phương trong tầm nhìn toàn cầu, có kỹ năng theo dõi tiến trình toàn cầu hóa và biết cách tự thay đổi, tự tiến hóa để thích ứng với tiến trình đó.

9.21. Lý thuyết văn học hậu hiện đại và văn học hậu hiện đại Việt Nam (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học tri thức về lý thuyết văn học hậu hiện đại thế giới thông qua một số tác phẩm văn học tiêu biểu, đồng thời phóng chiếu lý thuyết lên thực tiễn văn học Việt Nam đương đại. Môn học do đó nâng cao nhận thức xã hội, tư duy thẩm mỹ của người học đối với nghệ thuật hiện nay.

9.22. Văn học Nga (2 tín chỉ)

Trang bị cho người học kiến thức lịch sử và văn hóa văn học Nga, tiếp cận một số tác phẩm văn học Nga tiêu biểu. Qua đó, môn học giúp người học nhận thức ảnh hưởng của văn học Nga đối với nền văn học, văn hóa Việt Nam hiện đại.

9.23. Nghệ thuật sân khấu (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học tri thức về lịch sử, đặc trưng thẩm mỹ của các loại hình sân khấu Việt Nam cổ điển và đương đại. Qua đó, môn học giúp người học rèn luyện năng lực cảm thụ thẩm mỹ nghệ thuật, khả năng thẩm bình và sáng tạo kịch bản sân khấu; đối sánh với tri thức văn học.

9.24. Nhập môn truyền thông (2 tín chỉ)

Giúp sinh viên nắm được khái niệm, mô hình và cơ chế tác động của các hình thức truyền thông giao tiếp; Quan hệ giữa truyền thông giao tiếp và các phương tiện truyền thông đại chúng ; Đặc trưng thể loại, lịch sử và phương thức sáng tạo các sản phẩm của một số loại hình truyền thông đại chúng chủ yếu như sách, báo in, phát thanh, truyền hình, báo điện tử... đồng thời nắm được những nguyên tắc và phương thức cơ bản trong hoạt động, lãnh đạo và quản lý các phương tiện truyền thông ở nước ta hiện nay.

9.25. Nhập môn PR (3 tín chỉ)

Nắm vững những khái niệm PR (tạm dịch: Quan hệ công chúng): những yếu tố cơ bản trong lý thuyết và thực hành PR. Vị trí, bản chất, chức năng của quan hệ công chúng trong hoạt động của một tổ chức. Cung cấp tổng quan của 4 bước quan hệ công chúng và kỹ thuật sử dụng để xây dựng những mối quan hệ lâu dài với công chúng . Vận dụng các kỹ thuật truyền thông truyền thống và hiện đại trong xây dựng quan hệ với các đối tượng.

9.26. Quản trị học đại cương (2 tín chỉ)

Nắm vững những khái niệm cơ bản của quản trị học, các chức năng chủ yếu của công việc quản trị, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà quản trị: hoạch định chiến lược, xây dựng tổ chức, nhân sự, lãnh đạo và kiểm tra…Hiểu được các lý thuyết và quy trình cũng như các kỹ năng thực hành việc quản trị một đơn vị, một doanh nghiệp.

9.27. Phương pháp NCKHXH (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khoa học và phương pháp nghiên cứu đặc thù dành cho khối khoa học xã hội, đặc biệt tập tung vào văn học. Ngoài những vấn đề cơ bản, môn học còn cung cấp cho sinh viên các phương pháp khai thác và thu thập thông tin từ thực tế xã hội (văn hóa, nghệ thuật, giáo dục…). Qua đó, môn học giúp sinh viên tìm ra được hướng đi đúng đắn cho đề tài nghiên cứu của mình.

9.28. Logic học và Tư duy phản biện (2 tín chỉ)

Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. - Bên cạnh đó, môn học sẽ phát triển những kỹ năng tư duy phản biện thông qua thảo luận và thực hành những phương pháp, những công cụ tư duy hữu ích cho sự phát triển năng lực trí tuệ cá nhân và cộng đồng.

9.29. Nhập môn Xã hội học (2 tín chỉ)

Sinh viên hiểu được xã hội học là gì, chức năng nhiệm vụ của xã hội học, các quy luật hoạt động của đời sống xã hội, cơ cấu tổ chức xã hội, các mối quan hệ xã hội. Trang bị những hiểu biết về quy luật phát triển tất yếu của đời sống, những nhu cầu, triển vọng và xu hướng phát triển xã hội. Qua đó giúp kiểm soát tốt bản thân, điều hòa các mối quan hệ xã hội cho phù hợp. Làm rõ mối liên hệ khách quan vai trò của xã hội học trong công tác nghiên cứu khoa học, trong hoạt động đến nghệ thuật, truyền thông, xuất bản.

9.30. Viết và biên tập tin (2 tín chỉ)

Tầm quan trọng của tin và viết tin trong báo chí và trong hoạt động PR. Đặc trưng, tính chất của các thể loại tin và phương pháp tác nghiệp. Các kỹ năng căn bản để săn tin và làm tin. Hướng dẫn cách viết tin trong ngành truyền thông.

9.31. Kỹ năng soạn thảo văn bản (2 tín chỉ)

Giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về các loại văn bản hành chính và văn bản trong kinh doanh. Hiểu rõ về thể thức, thẩm quyền cũng như quy trình soạn thảo và ban hành các loại văn bản này. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên một số nghiệp vụ cơ bản khác trong công tác văn phòng (như quy định về quản lý và sử dụng con dấu).

9.32. Quản trị du lịch và dịch vụ (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về quản trị các loại hình du lịch và dịch vụ. Hiểu rõ tầm quan trọng của việc chăm sóc khách hàng và hoạt động quản trị quan hệ khách hàng trong hoạt động dịch vụ du lịch.

9.33. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn (2 tín chỉ)

Vai trò của phỏng vấn đối với nhà báo và người hoạt động PR. Quy trình thực hiện một cuộc phỏng vấn: nội dung đề cập, xác định đối tượng, bối cảnh, bảng câu hỏi và dự phòng các tình huống. Ngoài vai trò người thực hiện cuộc phỏng vấn, sinh viên còn phải thể hiện trong vai trò người trả lời phỏng vấn (khi là PR cho tổ chức hoặc doanh nghiệp). Cách thức chuẩn bị và tiến hành về thái độ, tư liệu, lập luận cả khi là người trực tiếp trả lời hoặc tư vấn cho người khác trả lời.

9.34. Tổ chức sự kiện (2 tín chỉ)

Cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để tổ chức một sự kiện. Biết cách xây dựng và triển khai hoàn chỉnh một sự kiện cho doanh nghiệp hay một tổ chức. Môn học tăng cường thời lượng thực hành thực tiễn.

9.35. Viết bài PR và thông cáo báo chí (2 tín chỉ)

Hiểu khái niệm và đặc trưng của loại bài PR, thông cáo báo chí. Sự giống và khác nhau về nội dung, hình thức giữa thông tin PR và thông tin báo chí. Kỹ năng thực hiện một bài PR và thông cáo báo chí. Phương thức chủ yếu để đăng bài PR trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Môn học tăng cường thời lượng thực hành thực tiễn. Đánh giá kết quả bằng sản phẩm thực tế.

9.36. Kỹ năng giao tiếp (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về kỹ năng giao tiếp, đặc biệt giao tiếp trong công sở (Communication for Business). Kỹ năng giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, và ứng dụng vào các kỹ năng viết và nói (tập trung vào kỹ năng viết Báo cáo thực tập, email, thư giao dịch); kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thương lượng, giải quyết xung đột…

9.37. PR nội bộ và cộng đồng (2 tín chỉ)

Giúp sinh viên hiểu khái niệm và nội dung của PR nôi bộ và PR cộng đồng. Mục tiêu, tổ chức, kỹ năng quản lý, xử lý các hoạt động PR trong thực tiễn. Môn học chú ý vào thực hành thực tế.

9.38. Kỹ năng thuyết trình và đàm phán thương mại (2 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên hiểu khái niệm thuyết trình, vai trò của thuyết trình, các bước thực hiện thuyết trình. Nhận thức được tầm quan trọng công tác thương lượng đàm phán, những nguyên tắc đàm phán với khách hàng, các lĩnh vực liên quan đến công chúng truyền thông. Hiểu được một số kỹ năng, kỹ thuật xử lý một số tình huống phức tạp trong đàm phán.

9.39. Ứng dụng công nghệ thông tin trong truyền thông (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những thông tin cập nhật rất mới về định nghĩa khái niệm, công cụ và chiến lược truyền thông trên mạng xã hội và các thiết bị truyền tin điện tử; cách thức triển khai, mô hình quản lý của từng công cụ và cơ hội khai thác gắn liền với thương mại điện tử; tập trung vào các khía cạnh chiến lược tiếp thị bằng cách sử dụng Internet.

9.40. Sản xuất chương trình truyền hình (2 tín chỉ)

Trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về nguyên lý truyền hình, các thể loại truyền hình và quy trình sản xuất chương trình truyền hình.

Giới thiệu khái quát về nghệ thuật nhiếp ảnh, các thể loại ảnh, chú trọng thể loại ảnh báo chí và quảng cáo. Kỹ năng thực hiện tác phẩm ảnh : sử dụng máy, bố cục khuôn hình, chọn góc độ, ánh sáng, bấm máy, hoàn thiện tác phẩm, trình bày sản phẩm…

9.41. Tổ chức xuất bản (2 tín chỉ)

Trang bị cho người học những hiểu biết căn bản về lịch sử, quy trình, công nghệ tổ chức xuất bản hiện đại. Môn học có dành thời lượng cho người học tham quan thực tế đơn vị xuất bản.

9.42 Từ ngữ, ngữ nghĩa, ngữ dụng học tiếng Việt (2 tín chỉ)

Học phần giúp hình thành và phát triển cho sinh viên các năng lực sau: Cung cấp các kiến thức cơ bản nhất (cần thiết) về ngữ nghĩa học, từ vựng học, ngữ dụng học tiếng Việt, đồng thời hướng dẫn sinh viên cách vận dụng - thực hành những kiến thức này vào việc giảng dạy tiếng Việt và phân tích tác phẩm văn chương.

9.43. Phong cách học tiếng Việt (2 tín chỉ)

Cung cấp các khái niệm, các quy tắc cơ bản của phong cách học tiếng việt, nắm vững đặc điểm, thể thức của các loại phong cách chức năng, kiểu loại diễn ngôn và các biện pháp từ trong tiếng Việt như ẩn dụ tu từ, hoán dụ tu từ, so sánh, ngoa dụ...

Biết cách thực hành, vận dụng các kiến thức đã học vào việc đọc hiểu văn bản, phân tích giá trị thẩm mỹ của tác phẩm văn chương, biết diễn đạt sinh động, biểu cảm...

9.44. Toàn cầu hóa và văn hóa, văn học (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên tìm hiểu các vấn đề then chốt của tiến trình toàn cầu hóa, lịch sử, bản chất, đặc điểm, các biểu hiện của tiến trình này, đồng thời, tìm hiểu những khả thế chiến lược hợp lý cho Việt Nam để hội nhập và tồn tại trong tiến trình đó. Học phần cung cấp một nền tảng cơ bản về thế giới đương đại để soi chiếu vào nghề nghiệp: văn học, văn hóa, truyền thông, rèn luyện tinh thần "toàn cầu", nhìn các vấn đề cụ thể của nghề nghiệp tại địa phương trong tầm nhìn toàn cầu, có kỹ năng theo dõi tiến trình toàn cầu hóa và biết cách tự thay đổi, tự tiến hóa để thích ứng với tiến trình đó.

9.45. Ký hiệu học (2 tín chỉ)

Môn học đi vào các vấn đề cơ bản của ký hiệu học: các mô hình ký hiệu, đối tượng, mã, triển vọng của ký hiệu học, vai trò của ký hiệu học trong khoa học xã hội nhân văn hiện đại.

9.46. Lý luận văn học 1(3 tín chỉ)

Học phần này nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức lí luận về: văn học và hiện thực; văn học là một hình thái ý thức xã hội đặc thù; đặc trưng của tư duy nghệ thuật; đặc trưng của hình tượng nghệ thuật; văn học – nghệ thuật ngôn từ; các chức năng của văn học; nhà văn – chủ thể sáng tạo văn học; người đọc – chủ thể tiếp nhận văn học.

9.47. Lý luận văn học 2 (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức lí luận văn học cơ bản về tác phẩm văn học, thể loại văn học và tiến trình văn học: Tác phẩm văn học là một chỉnh thể, Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học, Đề tài, chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm văn học, Ý nghĩa của tác phẩm văn học, Nhân vật trong tác phẩm văn học, Kết cấu của tác phẩm văn học, Lời văn trong tác phẩm văn học, Loại thể văn học, Tác phẩm tự sự, Tác phẩm trữ tình, Kịch bản văn học, Kí văn học, Tiến trình văn học, trào lưu, phong cách, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa hiện đại, chủ nghĩa hậu hiện đại

9.48. Folklore học và văn học dân gian Việt Nam (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lý thuyết Folkelore học và văn học dân gian Việt Nam, từ đó có thể ứng dụng và nghiên cứu các tác phẩm văn học dân gian Việt Nam.

9.49. Văn học Bắc Mỹ (2 tín chỉ)

Nội dung môn học chia thành 4 chương, bao quát tổng quan kiến thức về văn hóa và văn học Bắc Mỹ (Canada, Hoa Kỳ, Mexico). Các vấn đề chủ yếu: lịch sử hình thành, đại lý

tự nhiên; văn hóa bản địa và văn hóa di cư; các tác giả, tác phẩm và trào lưu văn hóa, văn học tiêu biểu.

9.50. Văn học Phương Tây (3 tín chỉ)

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm tiến trình văn học phương Tây từ cổ đại (văn học Hy Lạp) đến thế kỉ XVIII (tập trung vào các nền văn học Anh, Pháp, Đức) trên các phương diện trào lưu, thể loại, các tác gia, tác phẩm tiêu biểu.

9.51. Văn học Nhật Bản(2 tín chỉ)

Giới thiệu 1 số tác phẩm tiêu biểu trong theo từng giai đoạn văn học Nhật Bản. Sinh viên sẽ đọc và phân tích tác phẩm để hiểu hơn về cách suy nghĩ của các tác gia ở mỗi thời đại.

9.52. Đại cương văn học Trung Quốc (3 tín chỉ)

Học phần giới thiệu khái quát về đất nước, văn hoá Trung Quốc. Chương trình sẽ đi sâu tìm hiểu những thành tựu văn học tiêu biểu nhất của Trung Quốc qua các thời kì như: Văn học trước Tần, thơ Đường, tiểu thuyết Minh - Thanh, Lỗ Tấn, Quách Mạt Nhược, Tào Ngu và khái quát về văn học Trung Quốc từ 1949 đến nay.

9.53. Kiến tập (3 tín chỉ):

Giúp sinh viên tiếp cận thực tế, làm quen với các công việc liên quan tới chương trình học,tham gia làm các việc nơi được phân công, tìm hiểu cơ quan, đơn vị cùng với những hoạt động liên quan tới văn học, PR và truyền thông, biết tổ chức thực hiện công việc cá nhân và theo nhóm.

9.54. Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ):

Giúp sinh viên tiếp cận với nghề nghiệp của mình, ý thức rõ về vai trò và trách nhiệm của người ứng dụng Văn vào thực tế công việc, ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế, làm việc tại cơ quan doanh nghiệp, có cái nhìn tổng quan về nghề nghiệp để hướng đến công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp.

9.55. Khóa luận tốt nghiệp hoặc tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức: Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học 3 học phần tự chọn ngành (6 tín chỉ).